

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v Tranh chấp H đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Hà

Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về Tranh chấp H đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 11/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-DS ngày 25/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại C; địa chỉ Trụ sở chính: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện H pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Việt A sinh năm 1997; địa chỉ: Tầng 6 - 152 Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; (Văn bản uỷ quyền số 2802/2024/UQ-KHCN ngày 15/01/2024);

- Bị đơn:

Ông Nguyễn Trọng H;

Bà Nguyễn Thị T;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện A; thành phố Hải Phòng;

Ông Lưu Việt A và bà Nguyễn Thị T có mặt; ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại C (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đều trình bày:

Giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị T có quan hệ tín dụng; cụ thể như sau: H đồng số LN1912041936177 ký ngày 07/12/2019 Ngân hàng cho vay số tiền 960.000.000 đồng để mua sắm vật dụng gia đình; lãi suất vay theo thỏa thuận. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Lô số 2; tờ bản đồ số 07; tại địa chỉ: Số 02 lô LK1 Dự án khu tái định cư xã Đồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 884371 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 14/04/2017 cho ông Vũ Văn Thiêm vợ là bà Phạm Thị Thoa; ngày 25/10/2019 sang tên cho cho ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị T được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xác nhận (Lô đất số 2). H đồng thể chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Đất Cảng ngày 07/12/2019; số công chứng: 14689/HĐTC/2019, quyền số 06/TP-CC-SCC/HĐGD và được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện nghĩa vụ ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị T mới trả được một phần nợ, đến ngày 15/7/20223 vi phạm nghĩa vụ T toán để nợ quá hạn. Nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nhưng đến ngày 29/02/2024 mới T toán trả được nợ quá hạn. Khoản nợ không được gia hạn, vẫn được Ngân hàng xếp vào nhóm nợ quá hạn. Ngân hàng khởi kiện và người đại diện H pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả nợ số tiền tính đến ngày 29/3/2024 tổng số nợ là 559.832.223 đồng; cụ thể như sau: nợ gốc là 552.000.000 đồng, nợ lãi là 7.832.223 đồng. Yêu cầu phát mại tài sản thế chấp nêu trên trong trường H bên vay không trả được nợ.

Ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị T trình bày: Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ tín dụng, thế chấp tài sản như Ngân hàng trình bày ở trên là đúng. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện trả nợ dần.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 85, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự (BLTTDS); các điều 117, 298, 299, 466, 500 và 502 của BLDS; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

buộc bị đơn phải trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử như đại diện nguyên đơn đã trình bày ở trên. Trường H bị đơn không trả được nợ thì phát mại các tài sản thế chấp như nguyên đơn trình bày để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, xác định đây là quan hệ Tranh chấp H đồng tín dụng quy định tại Điều 30 của BLTTDS.

[3] Về tố tụng: Ông H đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa H lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn, lãi phạt theo H đồng số LN1912041936177 của nguyên đơn: Việc các bên thừa nhận quan hệ tín dụng; số tiền vay, thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ, số nợ gốc, lãi còn lại thuộc trường H không phải chứng minh; căn cứ Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Như vậy việc Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả nợ của như trình bày ở trên là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng: Việc các bên thừa nhận bên vay có dùng tài sản là Lô đất số 2 để thế chấp là tình tiết sự kiện không phải chứng minh; căn cứ Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. H đồng về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đảm bảo về hình thức, trình tự, thủ tục, nội dung theo quy định tại các điều 117, 119, 500, 501 và 502 của BLDS; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng về phát mại các tài sản thế chấp ở trên trong trường H bên vay không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận theo các điều 298, 299, 500 và 502 của BLDS; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 26.393.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92, 97, 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 119, 298, 299 của Bộ luật Dân sự; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị T phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại C tổng số tiền phát sinh từ H đồng tín dụng số LN1912041936177 ký ngày 07/12/2019 tính đến ngày 29/3/2024 là 559.832.223 đồng; trong đó: Nợ gốc là 552.000.000 đồng, nợ lãi là 7.832.223 đồng.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 30/3/2024 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù H với quy định của pháp luật. Trường H trong H đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục T toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù H với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường H ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị T không trả được nợ H đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng Thương mại C có quyền yêu cầu phát mại tài sản là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Lô số 2; tờ bản đồ số 07; tại địa chỉ: Số 02 lô LK1 Dự án khu tái định cư xã Đồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 884371 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 14/04/2017 cho ông Vũ Văn Thiêm vợ là bà Phạm Thị Thoa; ngày 25/10/2019 sang tên cho cho ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị T. Trường H phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại C. Trường H phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị T phải nộp 26.393.000 đồng. Trả lại Ngân hàng Thương mại C số tiền tạm ứng án phí 15.060.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, biên lai số 8337 ngày 02/01/2024.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS h. An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng